

BÀI TẬP

BT 2.1.

Một doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trong kỳ có tình hình như sau:

1. Bán hàng thu tiền mặt 22.000.000đ, trong đó thuế GTGT 2.000.000đ.
2. Đem tiền mặt gửi vào NH 30.000.000đ, chưa nhận được giấy báo Có.
3. Chi tiền mặt vận chuyển hàng hoá đem bán 300.000đ.
4. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên mua hàng 10.000.000đ.
5. Nhận được giấy báo có của NH về số tiền gửi ở nghiệp vụ 2.
6. Vay ngắn hạn NH về nhập quỹ tiền mặt 100.000.000đ
7. Mua vật liệu nhập kho giá chưa thuế 50.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng TGNH. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ vật liệu mua vào 440.000đ trả bằng tiền mặt, trong đó thuế GTGT 40.000đ.
8. Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm về sử dụng ngay 360.000đ.
9. Nhận Phiếu tính lãi tiền gửi không kỳ hạn ở Ngân hàng 16.000.000đ.
10. Chi TGNH để trả lãi vay NH 3.000.000đ.
11. Rút TGNH về nhập quỹ tiền mặt 25.000.000đ, chi tiền mặt tạm ứng lương cho nhân viên 20.000.000đ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.

BT 2.2.

Một doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trong kỳ có tình hình như sau:

Số dư đầu tháng 12:

- TK 131 (dư nợ): 180.000.000đ (Chi tiết: Khách hàng H: 100.000.000đ, khách hàng K: 80.000.000đ)
- TK 139 (Khách hàng H): 30.000.000đ.

Các nghiệp vụ phát sinh trong tháng:

1. Bán hàng chưa thu tiền, giá bán chưa thuế 60.000.000đ, thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ tính 10%.
2. Nhận được giấy báo Có của Ngân hàng về khoản nợ của khách hàng ở nghiệp vụ 1 trả.
3. Kiểm kê hàng hoá tại kho phát hiện thiếu 1 số hàng trị giá 2.000.000đ chưa rõ nguyên nhân.
4. Xử lý số hàng thiếu như sau: Bắt thủ kho phải bồi thường 1/2, số còn lại tính vào giá vốn hàng bán.
5. Nhận được biên bản chia lãi từ hoạt động liên doanh 10.000.000đ, nhưng chưa nhận tiền.
6. Thu được tiền mặt do thủ kho bồi thường 1.000.000đ
7. Chi TGNH để ứng trước cho người cung cấp 20.000.000đ
8. Lập biên bản thanh toán bù trừ công nợ với người cung cấp 10.000.000đ

9. Phải thu khoản tiền bồi thường do bên bán vi phạm hợp đồng 4.000.000đ
10. Đã thu bằng tiền mặt 4.000.000đ về khoản tiền bồi thường vi phạm hợp đồng.
11. Chi tiền mặt 10.000.000đ tạm ứng cho nhân viên.
12. Nhân viên thanh toán tạm ứng:
 - Hàng hoá nhập kho theo giá trên hoá đơn 8.800.000đ, gồm thuế GTGT 800.000đ.
 - Chi phí vận chuyển hàng hoá 300.000đ, thuế GTGT 30.000đ
 - Số tiền mặt còn thừa nhập lại quỹ.
13. Cuối tháng có tình hình sau:
 - a- Khách hàng H bị phá sản, theo quyết định của toà án khách hàng H đã trả nợ cho doanh nghiệp 50.000.000đ bằng tiền mặt, số còn lại doanh nghiệp xử lý xoá sổ.
 - b- Đòi được khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ từ năm ngoái 10.000.000đ bằng tiền mặt, chi phí đi đòi nợ 200.000đ bằng tiền tạm ứng.
 - c- Cuối năm căn cứ vào nguyên tắc lập dự phòng, doanh nghiệp tiếp tục lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của khách hàng K 20.000.000đ

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên.

BT2.3

Phòng kế toán công ty M có tình hình về khoản phải thu khó đòi như sau:

1. Ngày 31/12 N, căn cứ vào thời gian quá hạn các khoản phải thu khó đòi, căn cứ vào điều kiện lập dự phòng, kế toán tiến hành lập dự phòng khoản phải thu khó đòi là 15.000.000.
2. Tháng 2/N+1:
 - ✓ Xoá sổ một khoản nợ của khách hàng X đã quá hạn 3 năm là 5.000.000.
 - ✓ Thu khoản nợ của khách hàng Y, đã xoá sổ năm trước bằng TM 10.000.000 (cho biết số nợ gốc đã xoá sổ là 20.000.000đ)
3. Ngày 31/12/N+1 căn cứ vào điều kiện lập dự phòng và thời gian quá hạn các khoản phải thu khó đòi kế toán tính số dự phòng cần lập là 15.000.000. TK đã so sánh số liệu trên sổ KT để xử lý.

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên.

BT 3.1: Tại 1 doanh nghiệp SX tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, có tình hình nhập, xuất vật liệu như sau:

Tồn đầu tháng: Vật liệu (VL) A: 800kg x 60.000đ, VL B: 200kg x 20.000đ.

Trong tháng:

1. Mua 500 kg VL A, đơn giá chưa thuế 62.000đ/kg và 300 kg VL B, đơn giá chưa thuế 21.000đ/kg, thuế suất thuế GTGT của VL A và VL B là 10%, VL nhập kho đủ, tiền chưa trả. Chi phí vận chuyển VL 176.000đ trả bằng tiền mặt, trong đó thuế GTGT 16.000đ, phân bổ cho hai loại vật liệu theo khối lượng.
2. Xuất kho 1.000 VL A và 300 kg VL B trực tiếp SX sản phẩm.
3. Dùng TGNH trả nợ người bán ở nghiệp vụ 1 sau khi trừ khoản chiết khấu thanh toán 1% giá mua chưa thuế.

4. Xuất kho 50 kg VL B sử dụng ở bộ phận QLDN.
5. Nhập kho 700 kg VL A, đơn giá chưa thuế 61.000đ và 700 VL B, đơn giá chưa thuế 19.000đ do người bán chuyển đến, thuế GTGT là 10%, đã thanh toán đủ bằng chuyển khoản.
6. Xuất kho 600 VL A và 400 VL B vào trực tiếp SX sản phẩm.

Yêu cầu: *Tính toán và trình bày bút toán ghi sổ tình hình trên theo hệ thống KCTX với các phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: nhập trước xuất trước (FIFO), nhập sau xuất trước (LIFO), bình quân gia quyền cuối kỳ, bình quân gia quyền liên hoàn.*

BT 3.2: Tại 1 doanh nghiệp có tình hình nhập, xuất kho vật liệu A như sau: Đơn vị: đồng

Ngày	Diễn giải	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
			Số lượng	Số tiền	Số lượng	Số tiền	Số lượng	Số tiền
	<u>Tồn đầu tháng</u>	<u>10.000</u>					<u>100</u>	<u>1.000.000</u>
2/6		10.200	300	3.060.000				
4/6	Nhập kho	10.600	400	4.240.000				
5/6	Nhập kho				400	?		
10/6	Xuất kho	10.300	200	2.060.000				
14/6	Nhập kho				300	?		
20/6	Xuất kho	10.500	600	6.300.000				
25/6	Nhập kho				500	?		
	Xuất kho						<u>400</u>	
	<u>Tồn cuối tháng</u>							

Yêu cầu: *Hãy tính giá thực tế xuất kho của vật liệu A và điền vào chỗ có dấu (?) trên bảng theo các phương pháp: và giá thực tế đích danh. Cho biết nếu áp dụng phương pháp giá thực tế đích danh thì số lượng xuất cụ thể như sau:*

-Ngày 5/6 : xuất 400 kg gồm 200 kg nhập ngày 2/6 và 200 kg nhập ngày 4/6.

-Ngày 14/6 : xuất 300 kg gồm 100kg tồn đầu kỳ, 200kg nhập ngày 4/6

-Ngày 25/6 : xuất 500kg gồm 100kg nhập ngày 10/6 và 400kg nhập ngày 14/6

BT 3.3.

Công ty Tiến Thịnh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, trong tháng 5 có tình hình công cụ A như sau:

I. Số dư đầu tháng 5:

- TK 153 (1.000 đơn vị A x 5.000đ) = 5.000.000đ

II. Tình hình phát sinh trong tháng 5:

1. Công ty Minh Long chuyển đến đơn vị một lô hàng công cụ A, trị giá hàng ghi trên hoá đơn là 4.000 đơn vị, đơn giá chưa thuế 5.600đ, thuế GTGT 10%. Khi

- kiểm nhận nhập kho phát hiện thiếu 300 đơn vị hàng, đơn vị cho nhập kho và chấp nhận thanh toán theo số hàng thực nhận.
- Đơn vị xuất – 2.000 công cụ A cho bộ phận bán hàng sử dụng trong 4 tháng, phân bổ từ tháng này.
 - Xuất trả lại 1.000 công cụ A cho công ty Minh Long vì hàng kém phẩm chất, bên bán đã thu hồi về nhập kho.
 - Xuất 1.000 công cụ A để phục vụ sản xuất sản phẩm và 500 công cụ A cho bộ phận quản lý doanh nghiệp.
 - Công ty Long Hải chuyển đến đơn vị một lô hàng công cụ, trị giá hàng ghi trên hoá đơn là 4.000 đơn vị, đơn giá 6.000đ, thuế GTGT 10%. Hàng nhập kho đủ. Sau đó do hàng kém phẩm chất đơn vị đề nghị bên bán giảm giá 20% trên giá thanh toán (có bao gồm cả thuế GTGT 10%), bên bán đã chấp nhận.
 - Đơn vị chi tiền mặt trả hết nợ cho công ty Minh Long sau khi đã trừ đi phần chiết khấu thanh toán 1% trên số tiền thanh toán.

Yêu cầu: Tính toán và Trình bày bút toán ghi sổ tình hình trên, biết rằng đơn vị xác định giá trị thực tế hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

BT 3.4.

Công ty sản xuất ABC kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước, xuất trước

Số dư đầu tháng 12 một vài tài khoản như sau: (Đơn vị tính: Đồng)

TK 152	110.000.000	(chi tiết: 5.000kg)
TK 154	8.000.000	
TK 155	315.000.000	(chi tiết: 7.000 sản phẩm)

Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

Trong tháng 12 phát sinh các nghiệp vụ kế toán sau (Đơn vị tính: Đồng)

- Mua 5.000 kg vật liệu (giá mua chưa thuế 20.000đ/kg, thuế GTGT 10%), chưa thanh toán tiền cho nhà cung cấp. Chi phí vận chuyển thanh toán bằng tiền tạm ứng 5.500.000đ (bao gồm thuế GTGT 10%). Vật liệu nhập kho đủ.
- Công ty ABC chuyển khoản thanh toán tiền mua vật liệu cho nhà cung cấp sau khi trừ chiết khấu thanh toán 2% (tính trên giá mua chưa thuế).
- Xuất kho 8.000kg vật liệu dùng trực tiếp sản xuất sản phẩm.
- Tiền lương phải trả của tháng 12.

Bộ phận	Số tiền
Công nhân trực tiếp sản xuất	20.000.000
Nhân viên quản lý phân xưởng	10.000.000
Nhân viên bán hàng	10.000.000
Nhân viên quản lý doanh nghiệp	15.000.000

Tổng cộng:	55.000.000
------------	------------

5. Trích BHYT, BHXH và KPCĐ theo tỷ lệ quy định.
6. Trích khấu hao tài sản cố định tháng 12.

Bộ phận	Số tiền
Phân xưởng sản xuất	10.000.000
Bộ phận bán hàng	10.000.000
Bộ phận quản lý doanh nghiệp	5.000.000
Tổng cộng :	25.000.000

7. Nhập kho lại 1.000 kg vật liệu sử dụng không hết trị giá 21.000.000đ.
8. Phân xưởng sản xuất hoàn thành nhập kho 4.000 sản phẩm. Chi phí sản xuất dở dang cuối tháng 13.700.000đ.
9. Xuất kho 10.000 sản phẩm chuyển đến cho Công ty A với giá bán chưa thuế 65.000đ/sản phẩm, thuế GTGT 10%. Cuối tháng công ty A chưa nhận được hàng.

Yêu cầu: **Tính toán và Trình bày bút toán ghi sổ tình hình trên.**

BT 3.5

Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho, có tài liệu sau:

Ngày 29/01 mua một lô hàng G do bên bán chuyển đến, chưa có hoá đơn bên bán, đã nhập kho. lô hàng này có giá tạm tính 53.000.000đ:

- Trường hợp a: ngày 30/01 nhận hoá đơn bên bán giá chưa thuế 54.000.000đ, thuế GTGT 5%
- Trường hợp b: ngày 31/01 vẫn chưa nhận hoá đơn bên bán. Ngày 02/02 mới nhận được hoá đơn bên bán với giá trên.

Yêu cầu

Tính toán và thực hiện bút toán nhật ký các nghiệp vụ phát sinh trên.

BT3.6

Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho, có tài liệu sau:

Ngày 08, nhận được lô hàng hoá D mua theo phương thức trực tiếp, trị giá mua chưa thuế của lượng hàng theo hoá đơn bên bán là 20.000.000đ, thuế GTGT là 5%, chưa thanh toán tiền cho bên bán. Hàng thực tế kiểm nhận tính theo giá mua chưa thuế là 25.000.000đ.

- **Trường hợp a:** hàng thừa xác định được nguyên nhân ngay trong ngày là do bên bán giao nhầm, lập phiếu nhập kho số hàng mua theo hoá đơn; do bên bán chưa nhận lại hàng thừa nên doanh nghiệp nhận bảo quản hộ. Đến ngày 10 xuất trả lại số hàng thừa cho bên bán.

- **Trường hợp b:** hàng thừa chưa xác định được nguyên nhân trong ngày, lập biên bản chờ xử lý và lập phiếu nhập kho số hàng mua theo kiểm nhận thực tế. đến ngày 09 xác định nguyên nhân hàng thừa do bên bán giao hàng nhầm, nhưng bên bán chưa nhận lại

hàng thừa nên doanh nghiệp nhận bảo quản hộ. Đến ngày 10 xuất trả lại hàng thừa cho bên bán.

-**Trường hợp c:** như trường hợp a, nhưng đến ngày 09 được 2 bên thoả thuận mua bán bổ sung. DN lập thêm phiếu nhập kho số hàng này.

- **Yêu cầu**

Tính toán và thực hiện bút toán nhật ký các nghiệp vụ phát sinh trên.

BT3.7

Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho, có tài liệu sau:

Ngày 11, số hàng hoá E theo hoá đơn bên bán có giá chưa thuế 80.000.000đ, thuế GTGT 10%. khi kiểm nhận hàng chuyển đến DN kiểm nhận phát hiện hàng không đúng chủng loại, phẩm chất:

- **Trường hợp a:** mua theo phương thức chuyển hàng. DN từ chối không mua, nhập kho bảo quản hộ. đến ngày 14 xuất trả lại bên bán.

- **Trường hợp b:** mua theo phương thức nhận hàng trực tiếp. DN lập phiếu nhập kho hàng mua, chưa thanh toán tiền cho bên bán, lập biên bản gửi bên bán đề nghị giảm giá. đến ngày 14 bên bán đồng ý giảm giá 20%(có giảm thuế).

- **Trường hợp c:** như trường hợp b, nhưng DN yêu cầu trả lại hàng, bên bán chấp nhận nhận lại. ngày 14 DN xuất hàng trả lại bên bán.

- **Yêu cầu**

Tính toán và thực hiện bút toán nhật ký các nghiệp vụ phát sinh trên.

BT3.8

Công ty M kê toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trong tháng 3, phòng kế toán có tình hình về mua hàng như sau: SD TK 144 : 10.000.000 (công ty H).

1. Ngày 2/3 nhận được hoá đơn GTGT ngày 28/2 của công ty X gồm 400dv hàng A, đơn giá chưa thuế GTGT 20.000đ/dv, thuế GTGT 10%. Lô hàng này đã được công ty M nhập kho ngày 28/2 với giá tạm tính là 21.000đ/dv
2. Ngày 8/3 chuyển TGNH ứng trước cho XN K tiền mua hàng là 4.000.000đ, đã nhận được giấy báo nợ của NH.
3. Ngày 9/3 nhập kho lô hàng N của công ty H theo hoá đơn GTGT gồm 1.000dv, đơn giá chưa thuế 30.000đ/dv, thuế GTGT 5%. Chi phí vận chuyển đã chi bằng tiền tạm ứng là 1.100.000đ (trong đó thuế GTGT 100.000).
4. Ngày 10/3 nhận được hàng và hoá đơn GTGT của XN K gửi đến gồm 600dv hàng B, đơn giá chưa thuế 10.000đ/dv, thuế GTGT 10%, đã nhập kho đủ.
5. Ngày 18/3 chuyển TGNH thanh toán cho công ty H theo hợp đồng thoả thuận như sau :
 - Bù trừ tiền ký quỹ ngắn hạn 10.000.000đ , số còn lại thanh toán bằng TGNH.
 - Thanh toán trong vòng 10 ngày sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán 1% phần thanh toán bằng TGNH đã nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng.
6. Ngày 25/3 công ty M đề nghị XN K giảm giá hàng B (nghiệp vụ 4) 5% giá thanh toán (gồm thuế GTGT 10%) do chất lượng kém; XN K đã đồng ý.
7. Ngày 28/3 đã thanh toán xong tiền mua hàng B cho XN K bằng tiền mặt.

- **Yêu cầu**

Thực hiện bút toán nhật ký và ghi sổ cái các nghiệp vụ phát sinh trên theo trường hợp Công ty M nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.

BT3.9

Tại một DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên có tình hình về công cụ, dụng cụ như sau:

Số dư đầu tháng TK 153 : 3.000.000đ

Phát sinh trong tháng:

1. Nhập kho một số công cụ chưa trả tiền , theo hoá đơn giá chưa thuế 2.000.000đ, thuế GTGT 10%.Chi phí vận chuyển trả bằng tiền mặt 120.000đ, trong đó thuế GTGT 10.000đ.
2. Nhập kho một số công cụ thanh toán bằng tiền tạm ứng giá chưa thuế 600.000đ , thuế GTGT 10%.
3. Xuất kho một số công cụ phục vụ quản lý sản xuất, giá thực tế xuất kho 1.800.000đ, phân bổ dần trong 6 tháng, bắt đầu từ tháng này.
4. Xuất kho công cụ loại phân bổ 1 lần dùng cho một bộ phận bán hàng, giá thực tế 250.000đ.
5. Xuất kho công cụ loại phân bổ 2 lần : dùng cho phân xưởng sản xuất giá thực tế 1.000.000đ và dùng cho bộ phận quản lý DN giá thực tế 800.000đ
6. Phân xưởng sản xuất báo hỏng công cụ :
 - a) Loại phân bổ 2 lần : giá thực tế xuất 900.000đ, phế liệu thu hồi nhập kho trị giá 50.000đ. Giá trị còn lại của công cụ tính vào chi phí liên quan.
 - b) Loại phân bổ 3 lần : giá thực tế lúc xuất 2.100.000đ, đã phân bổ 1.500.000đ.Giá trị còn lại của công cụ : bắt bồi thường 50%, tính vào chi phí 50%.

- **Yêu cầu**

Tính toán, thực hiện bút toán nhật ký và ghi sổ cái các nghiệp vụ phát sinh trên.

BT 4.1:

Tại công ty Minh Hà nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trong tháng 05 có tài liệu:

1. Ngày 08/05 mua 1 TSCĐ hữu hình sử dụng ở bộ phận sản xuất, theo HĐGTGT giá mua 50.000.000 đ, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho người bán. Chi phí vận chuyển chi bằng tiền mặt: 210.000 đ (gồm thuế GTGT 5%). Tài sản này do nguồn vốn đầu tư XDCB đài thọ.
2. Ngày 18/05 mua 1 TSCĐ hữu hình sử dụng ở bộ phận bán hàng, theo HĐ GTGT có giá mua là 60.000.000đ, thuế GTGT 10%, tiền chưa thanh toán.Chí phí lắp đặt phải trả là: 2.500.000đ (trong đó thuế GTGT 300.000đ). Tài sản này do quỹ đầu tư phát triển tài trợ theo nguyên giá.
3. Ngày 20/05 mua 1 TSCĐ hữu hình sử dụng ở nhà trẻ công ty, theo HĐ GTGT có giá mua là 20.000.000 đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt. Chi phí vận chuyển chi bằng tiền mặt: 210.000 đ (trong đó thuế GTGT 10.000đ). Tài sản này do quỹ phúc lợi đài thọ.

4. Ngày 25/05 mua 1 TSCĐ hữu hình sử dụng ở bộ phận quản lý DN, theo HĐ GTGT có giá mua là 150.000.000 đ, thuế GTGT 10%, tiền chưa thanh toán cho người bán. Lệ phí trước bạ chi bằng tiền mặt: 1.500.000đ. Đã vay dài hạn để thanh toán đủ.

Yêu cầu:

- Thực hiện bút toán liên quan các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.

BT 4.2: Tại công ty SX-TM Thành Công nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trong tháng 07 có tài liệu sau:

Số dư đầu tháng TK 2412: 256.000.000đ (xây dựng nhà kho A)

Nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng:

1. Ngày 16/07 xuất kho vật liệu: 50.000.000đ và công cụ dụng cụ 5.000.000đ đưa vào xây dựng nhà kho A.
2. Ngày 18/07 chi tiền mặt để xây dựng nhà kho A: 10.000.000đ
3. Ngày 22/07 cuối tháng quá trình xây dựng nhà kho A hoàn thành, chi phí xây dựng phải trả cho Công ty K là 66.000.000 đ (trong đó thuế GTGT 6.000.000 đ), TSCĐ được bàn giao đưa vào sử dụng, giá quyết toán được duyệt bằng 95% chi phí thực tế, 5% vượt mức không tính vào nguyên giá (do doanh nghiệp chịu tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ). Tài sản này được hình thành từ nguồn vốn đầu tư XDCB.
4. Ngày 26/07 chuyển khoản thanh toán tiền mua phần mềm máy tính về quản trị SX là 80.000.000đ

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nói trên.

BT 4.3: Tại công ty thương mại Nhật Minh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, có tình hình giảm TSCĐ trong tháng 6 như sau:

1/ Ngày 15/6 Thanh lý 1 nhà kho dự trữ hàng hóa, có nguyên giá 158.400.000đ, thời gian sử dụng 12 năm, đã trích khấu hao 152.000.000đ.

Chi phí thanh lý gồm:

- | | |
|----------------------|------------|
| - Lương : | 2.000.000đ |
| - Trích theo lương : | 380.000đ |
| - Công cụ dụng cụ: | 420.000đ. |
| - Tiền mặt: | 600.000đ. |

Thu nhập thanh lý bán phế liệu thu ngay bằng tiền mặt 1.800.000đ.

2/ Ngày 25/06 Bán 1 thiết bị đang sử dụng ở bộ phận bán hàng có nguyên giá 24.000.000đ, đã hao mòn lũy kế 6.000.000đ, thời gian sử dụng 2 năm. Chi phí tân trang trước khi bán 500.000đ trả bằng tiền mặt. Giá bán chưa thuế 5.800.000đ, thuế GTGT 10%, đã thu bằng tiền mặt.

3/ Ngày 26/6 chuyển khoản mua 1 xe hơi sử dụng ở bộ phận quản lý DN có giá chưa thuế 296.000.000đ, thuế GTGT 10%, thời gian sử dụng 5 năm. Lệ phí trước bạ 1.000.000đ thanh toán bằng tiền tạm ứng. Tiền môi giới 3.000.000đ trả bằng tiền mặt.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.

BT 4.4: Tiếp theo BT 4.3 với ***Yêu cầu:*** Xác định mức trích khấu hao TSCĐ trong tháng 6 và định khoản nghiệp vụ trích khấu hao.

Tài liệu bổ sung:

- Công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
- Mức trích khấu hao trung bình 1 tháng của TSCĐ hiện có đầu tháng 6 là 32.500.000 đ phân bổ cho:
 - + Bộ phận bán hàng : 22.500.000 đ
 - + Bộ phận QLDN: 10.000.000 đ

BT 4.5:

Tại 1 doanh nghiệp sản xuất trong tháng 12 có tình hình về TSCĐ như sau:

Số dư đầu tháng: TK 335: 40.000.000đ (trích chi phí sửa chữa lớn TSCĐ X ở PX sản xuất)

TK 2413: 10.000.000đ (chi phí sửa chữa lớn TSCĐ X)

Trong tháng có các nghiệp vụ phát sinh

1/ Xuất công cụ (loại phân bổ 1 lần) để sửa chữa nhỏ TSCĐ ở phân xưởng SX 400.000đ.

2/ Sửa chữa lớn TSCĐ X, chi phí sửa chữa bao gồm:

- Xuất phụ tùng thay thế: 14.000.000đ
- Tiền mặt: 200.000đ.
- Tiền công thuê ngoài phải trả chưa thuế: 15.000.000đ, thuế GTGT 10%.

TSCĐ X đã sửa chữa xong, bàn giao và đưa vào sử dụng. Kế toán xử lý khoản chênh lệch giữa chi phí trích trước và chi phí thực tế phát sinh theo quy định.

3/ Sửa chữa đột xuất 1 TSCĐ Y đang sử dụng ở bộ phận bán hàng, chi phí sửa chữa bao gồm:

Mua ngoài chưa trả tiền 1 số chi tiết để thay thế giá chưa thuế 8.000.000đ, thuế GTGT 10%. Tiền công thuê ngoài phải trả chưa thuế 1.600.000đ, thuế GTGT 10%. Công việc sửa chữa đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa được phân bổ làm 4 tháng, bắt đầu từ tháng này.

4/ Sửa chữa nâng cấp văn phòng công ty, số tiền phải trả cho người nhận thầu 66.000.000đ, trong đó thuế GTGT 6.000.000đ. Cuối tháng công việc sửa chữa đã xong, kết chuyển chi phí làm tăng nguyên giá TSCĐ.

5/ Ngày 31/12, kiểm kê phát hiện thiếu một tài sản cố định hữu hình, nguyên giá 18.000.000đ, đã hao mòn 3.000.000đ, chưa rõ nguyên nhân.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.

BT 4.6

Doanh nghiệp A thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trong tháng 9 có phát sinh một số nghiệp vụ liên quan đến TSCĐ và CCDC như sau :

1. Mua TSCĐ M theo phương thức trả góp với giá mua 256.000.000đ, thuế GTGT 10% ; biết giá mua trả ngay 250.000.000đ. Doanh nghiệp chuyển khoản trả ngay 41.000.000đ, số còn lại trả góp trong vòng 2 năm. Nộp lệ phí trước bạ bằng tiền mặt 1.200.000đ. Chi phí lắp đặt, chạy thử 1.500.000đ thanh toán bằng tiền tạm ứng.

Tài sản này do quỹ đầu tư phát triển dài hạn 60%, phần còn lại mua bằng nguồn vốn kinh doanh.

2. Đem 1 TSCĐHH C có nguyên giá 60.000.000đ, đã khấu hao 15.000.000đ để trao đổi lấy 1 TSCĐHH D không tương tự theo hợp đồng trao đổi với công ty H, trị giá hợp lý chưa thuế của tài sản C là 50.000.000đ, thuế GTGT 5%. Trị giá hợp lý chưa thuế của tài sản D là 60.000.000đ, thuế GTGT 10%. Việc giao nhận TSCĐ đã hoàn tất, hai bên đã thanh lý hợp đồng và thanh quyết toán công nợ bằng chuyển khoản.
3. Thanh lý TSCĐ P có giá trị còn lại là 5.000.000đ, giá trị đã khấu hao 35.000.000đ. Chi phí tân trang trước khi bán 500.000đ. Giá bán chưa thuế 4.000.000đ, thuế GTGT 5%, đã thu bằng tiền mặt.
4. Mua TSCĐ Q sử dụng cho hoạt động phúc lợi, giá mua 15.000.000đ, thuế GTGT 10%. Chi phí lắp đặt phải trả là 500.000đ. Chi phí chạy thử 200.000đ thanh toán bằng tiền tạm ứng. Tài sản này do quỹ phúc lợi dài hạn.

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.

BT 4.7

Một doanh nghiệp sản xuất mặt hàng chịu VAT, tính thuế theo phương pháp khấu trừ, có tình hình về tài sản cố định hữu hình (TSCĐ) trong tháng 9/2008 như sau: (Đvt: Đồng)

1. Ngày 2: mua trả góp 1 TSCĐ, giá mua chưa thuế trả ngay 90.000.000, thuế GTGT 10%, lãi trả góp thỏa thuận là 10.000.000. Chi tiền mặt thanh toán ngay 9.000.000, số còn lại trả góp trong 10 tháng kể từ tháng sau. Chi phí lắp đặt tài sản và mua nhiên liệu chạy thử hết 2.000.000. Tài sản này có thời hạn sử dụng ước tính 5 năm, dùng tại phân xưởng.
2. Ngày 5: mua một TSCĐHH chưa thanh toán sử dụng cho hoạt động phúc lợi từ quỹ phúc lợi, giá mua chưa thuế 15.000.000đ, thuế GTGT 10%, thời hạn sử dụng ước tính 3 năm.
3. Ngày 12: Đem 1 TSCĐHH A trao đổi lấy một TSCĐHH B tương tự. TSCĐ đem trao đổi đang dùng tại phòng kế toán, có nguyên giá 100.000.000đ, đã khấu hao (tính đến thời điểm trao đổi) 30.000.000đ, thời gian sử dụng ước tính 4 năm. TSCĐ nhận về có thời gian sử dụng ước tính là 5 năm và đưa vào sử dụng ở cửa hàng bán sản phẩm. Chi phí vận chuyển tài sản mang đi đã thanh toán bằng tiền tạm ứng giá chưa VAT 500.000đ, VAT 10%, chi phí vận chuyển tài sản về 200.000 do bên đối tác chịu.
4. Ngày 21: Doanh nghiệp xuất thành phẩm làm TSCĐ dùng tại phòng hành chính, giá xuất kho 17.000.000. Giá bán thành phẩm này trên thị trường là 20.000.000, thuế GTGT 10%. Tài sản này ước tính sử dụng 3 năm.
5. Ngày 25: Bán 1 TSCĐ đang dùng tại cửa hàng (tài sản này có nguyên giá 20.000.000, khấu hao lũy kế 15.000.000) với giá 4 triệu, thuế GTGT 10%, đã thu tiền mặt. Tài sản này ban đầu dự kiến sử dụng 4 năm.

Yêu cầu:

1. Tính toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.

2. Cuối tháng, tính và trích khấu hao TSCĐHH tháng 9/2008, biết rằng:
 - DN áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
 - Số khấu hao bình quân tháng của những TSCĐHH hiện có tại DN vào đầu tháng và đang dùng cho hoạt động kinh doanh là 25.000.000đ, trong đó: tại bộ phận quản lý DN 7.000.000đ, tại cửa hàng bán sản phẩm 6.000.000đ, tại phân xưởng sản xuất 12.000.000đ.

BT 5.1:

Tại 1 doanh nghiệp có tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn như sau:

Số dư 30/11/N: TK 121: 45.000.000đ (*TK 1211: 30.000.000đ cổ phiếu của Cty CP. A; TK 1212: 15.000.000đ – 10 tờ kỳ phiếu NH Sao Mai, mệnh giá 1.500.000đ/tờ, thời hạn 6 tháng, lãi suất 0,75%/ tháng, thu lãi định kỳ hàng tháng*).

TK 129: 1.000.000đ (*dự phòng giảm giá CP Cty cổ phần A*)

Trong tháng 12/N phát sinh một số nghiệp vụ:

1. Ngày 1/12 chi TGNH 5.000.000đ mua tín phiếu Kho bạc TP, phát hành thời hạn 12 tháng, lãi suất 0,8%/tháng, thu lãi một lần khi đáo hạn.
2. Ngày 2/12 chi tiền mặt 9.000.000đ mua kỳ phiếu mệnh giá 10.000.000đ thời hạn 12 tháng, lãi suất 10%/năm, lãnh lãi trước 1 lần ngay khi mua kỳ phiếu.
3. Ngày 22/12 bán 1 số cổ phần Cty cổ phần A có giá gốc 10.000.000đ với giá bán 12.000.000đ đã thu bằng TGNH. Chi tiền mặt thanh toán cho người môi giới 50.000đ.
4. Ngày 30/12 NH Sao Mai chuyển tiền lãi tháng này của 10 tờ kỳ phiếu vào tài khoản tiền gửi ở ngân hàng.
5. Ngày 30/12 chi tiền gửi ngân hàng 5.000.000đ cho công ty B vay tạm thời hạn 3 tháng với lãi suất 1%/tháng, thu 1 lần khi đáo hạn.
6. Ngày 31/12 doanh nghiệp xác định mức giảm giá số cổ phần Cty cổ phần A mà doanh nghiệp đang nắm giữ là 800.000đ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

BT 5.2:

Trong tháng 9, phòng kế toán Công ty A có tài liệu về đầu tư dài hạn như sau:

1. Chuyển khoản 1.500.000.000đ mua cổ phiếu của Cty cổ phần X - số cổ phiếu này có mệnh giá 300.000.000đ- chi phí mua đã chi tiền mặt 3.000.000đ (tỷ lệ quyền biểu quyết tương đương với tỷ lệ vốn góp là 60%).
2. Nhận thông báo chia cổ tức của Cty cổ phần P là 50.000.000đ. Theo thoả thuận công ty A đã chuyển toàn bộ số cổ tức này để góp vốn thêm (cho biết tỷ lệ quyền biểu quyết tương đương với tỷ lệ vốn góp thay đổi từ 52% lên 55%).
3. Góp vốn đầu tư vào Cty BB với tỷ lệ vốn góp là 40%, bằng
 - 1 thiết bị sấy có nguyên giá 100.000.000đ, khấu hao lũy kế đến thời điểm góp vốn là 10.000.000đ), vốn góp được tính 88.000.000đ.
 - Xuất kho 1 lô hàng hoá có giá gốc 150.000.000đ và được tính vốn góp là 155.000.000đ.

- Chi phí vận chuyển tài sản góp vốn Cty A chịu, đã thanh toán bằng tiền tạm ứng là 110.000đ (gồm VAT 10%).

4. Chuyển khoản mua 5.000 cổ phiếu thường, có mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu với giá chuyển nhượng 120.000đ/cổ phiếu của Cty cổ phần BT, tỷ lệ quyền biểu quyết là 12%. Chi tiền mặt thanh toán cho người môi giới 1.000.000đ.

5. Nhượng lại 1 số cổ phiếu của công ty cổ phần M cho người bán B (để trừ nợ tiền hàng) với giá bán 138.000.000đ, biết giá gốc số cổ phiếu này là 140.000.000đ; giá gốc số cổ phiếu còn lại sau khi chuyển nhượng là 360.000.000đ với tỷ lệ quyền biểu quyết giảm từ 25% xuống 18%).

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.

BT 5.3:

Tại 1 doanh nghiệp có tình hình đầu tư tài chính như sau:

Số dư đầu tháng 12/N của: TK 229: 0;

TK 228: 700.000.000 đ (10.000 cổ phần công ty CP.A: 100.000.000đ; 40.000 cổ phần công ty CP.Z: 600.000.000đ)

TK 121: 50.000.000 đ (50 tờ kỳ phiếu ngân hàng B, mệnh giá mỗi tờ 1.000.000 đ, thời hạn 6 tháng, thu lãi định kỳ hàng tháng, lãi suất 0.9%/ tháng).

Trong tháng 12/N có một số nghiệp vụ phát sinh:

1. Ngày 01/12 doanh nghiệp chuyển khoản mua kỳ phiếu 24 tháng do Ngân hàng nông nghiệp phát hành với giá phát hành bằng mệnh giá 20.000.000 đ, lãi suất 9%/ 12 tháng, thu lãi một lần ngay khi mua.

2. Ngày 15/12 doanh nghiệp mua lại một số công trái trong dân, chi trả ngay bằng tiền mặt 27.500.000 đ. Số công trái này có mệnh giá 20.000.000 đ, thời hạn thanh toán 5 năm, lãi suất 50%/ 5 năm, ngày đáo hạn 1/12/N+1.

3. Ngày 16/12 nhận được thông báo của công ty A về số lãi được chia 9 tháng đầu năm N tương ứng với 10.000 cổ phần công ty đang nắm giữ là 12.000.000 đ. 2 ngày sau doanh nghiệp đã thực nhận được số lãi trên bằng tiền mặt.

4. Ngày 20/12 bán 5.000 cổ phần công ty A cho doanh nghiệp X đã thu TGNH với giá 52.000.000 đ. Chi phí trả cho người môi giới đã chi bằng tiền mặt 1.500.000 đ.

5. Ngày 25/12, Cty A dùng 1 TSCĐ hữu hình góp vốn liên doanh vào Cty X (Cty A góp vào Cty X – cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát – với tỷ lệ vốn góp là 30%) với nguyên giá ghi trên sổ kế toán 500.000.000 đ, đã hao mòn 100.000.000 đ. TSCĐ này được các bên góp vốn liên doanh đánh giá là 420.000.000 đ; mức độ hao mòn 20%; thời gian sử dụng ước tính 5 năm. Chi phí cho quá trình bàn bạc hợp đồng bằng tiền mặt: 1.000.000 đ. Chi vận chuyển tài sản thanh toán bằng tạm ứng 105.000đ (gồm thuế GTGT 5.000 đ).

6. Ngày 22/12 nhận được sổ phụ ngân hàng B báo đã chuyển lãi định kỳ 12/N của 50 tờ kỳ phiếu doanh nghiệp đang nắm giữ vào tài khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại ngân hàng.

7. Thị giá cổ phần công ty Z đang giảm sút. Ngày 31/12, căn cứ vào các bằng chứng xác thực, hội đồng do doanh nghiệp lập thẩm định mức giảm giá chứng khoán đã xác định thị giá cổ phần công ty Z là 14.000 đ/cp. Doanh nghiệp tiến hành lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.

BT 6.1.

Công ty M nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, tổ chức kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trong tháng 3 phòng kế toán có tài liệu liên quan đến tình hình thanh toán với người bán và người nhận thầu như sau:

- A. Số dư đầu tháng 3: TK 331: 31.000.000đ trong đó chi tiết Công ty Xây dựng số 1- số dư Nợ: 50.000.000đ, Cửa hàng Đồng Tâm - SD Có 80.000.000đ, Ông A- SD Có 1.000.000đ
- B. Số phát sinh trong tháng:
 1. Ngày 2/3 nhập kho 5.000kg vật liệu X chưa thanh toán tiền cho công ty Đồng Hải - đơn giá chưa thuế GTGT ghi trên hóa đơn (GTGT) 10.000đ/kg, thuế GTGT 5%.
 2. Ngày 8/3 nghiệm thu công trình nhà kho do Công ty Xây dựng số 1 nhận thầu (phần xây, lắp) theo HĐ(GTGT) 165.000.000đ (gồm thuế GTGT: 15.000.000đ).
 3. Ngày 10/3 chuyển tiền gửi Ngân hàng thanh toán số tiền còn nợ công ty Xây dựng số 1.
 4. Ngày 20/3 nhập kho hàng hóa E mua chịu của công ty X theo HĐ(GTGT) 10.500.000đ (gồm thuế GTGT 5%)
 5. Ngày 24/3 ứng trước bằng tiền mặt theo Hợp đồng giao thầu sửa chữa lớn xe vận tải cho Garage Ngọc Hùng 2.000.000đ.
 6. Ngày 28/3 công ty xử lý số tiền nợ không ai đòi - khoản tiền phải trả cho Ông A là 1.000.000đ được tính vào thu nhập khác.
 7. Cuối tháng nhận được HĐ(GTGT) của XN Thiên Long số tiền 5.500.000đ (gồm thuế GTGT 500.000đ) Công ty đã chấp nhận thanh toán nhưng vật tư vẫn chưa về nhập kho.

Yêu cầu: 1. Trình bày bút toán ghi sổ các nghiệp vụ trên

2. Mở sổ chi tiết theo dõi thanh toán với từng nhà cung cấp.

BT 6. 2.

Tại Công ty A, có tình hình thanh toán cho công nhân viên (CNV) và các khoản trích theo lương thuộc tháng 12 như sau

- Số dư ngày 30/11 của Tk 334: 215.000.000đ.
- Trong tháng 12, số liệu của phòng Kế toán như sau:
 1. Ngày 5/12 chuyển khoản trả lương kỳ II /11 cho CNV (hệ thống thẻ ATM) 215.000.000đ
 2. Ngày 20/12 chuyển khoản trả lương kỳ I /12 cho CNV là 198.000.000đ.
 3. Ngày 25/12 tổng hợp tiền lương phải trả cho công nhân viên (bao gồm tiền ăn giữa ca) trong tháng 12 gồm:

đơn vị tính: triệu đồng

Tiền lương của công nhân viên thuộc bộ phận			
PX SX Chính	PX SX Phụ	Bộ phận bán	Bộ phận quản lý chung DN

				hàng	
CNSX	NVQL	CNSX	NVQL		
238	15	48	10	20	38

4. Trích các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ theo lương (giả sử theo lương thực tế) tính vào chi phí cho mỗi đối tượng có tính lương.
5. Tổng hợp bảng thanh toán tiền thưởng 6 tháng cuối năm do quỹ khen thưởng đài thọ, số tiền 50.000.000đ.
6. Cuối tháng, phản ánh khoản khấu trừ lương người lao động:
 - + Tiền tạm ứng 500.000đ
 - + Bồi thường vật chất 720.000đ
 - + BHXH 6% quỹ TL, BHTN 1% quỹ TL & BHYT 1.5 % quỹ TL.
7. Giả sử cuối tháng Cty đã chuyển khoản toàn bộ số tiền các khoản còn phải trả (kỳ II) cho CNV.

Yêu cầu : Trình bày bút toán ghi sổ và mở (chữ T) TK 334- Phải trả cho người lao động.

BT 7.1:

Công ty TNHH A có tình hình như sau:

Số dư ngày 31/03/N của TK 421 là 100.000.000 đ. Trong đó:

- TK 4211 là 80.000.000đ
- TK 4212 là 20.000.000đ

Trong năm N – 1, Công ty có lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN là 190.000.000đ và đã tạm chia lãi cho thành viên góp vốn là 50.000.000đ, trích Quỹ đầu tư phát triển: 50.000.000đ, Quỹ khen thưởng: 5.000.000đ, Quỹ phúc lợi: 5.000.000đ.

1) Quyết định phân phối số lợi nhuận còn lại của năm trước (năm N – 1):

- Chia lãi bổ sung cho các thành viên góp vốn: 50.000.000đ
- Trích thưởng cho ban điều hành: 10.000.000đ
- Số lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối năm trước sau khi trừ 2 khoản trên, được trích thêm Quỹ đầu tư phát triển: 50% , Quỹ khen thưởng: 20% và Quỹ dự phòng tài chính: 30%.

2) Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong tháng 4/N là lỗ 8.000.000đ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

BT 7.2:

Doanh nghiệp tư nhân A có tình hình như sau:

1) Tổng lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp trong năm N là: 250.000.000đ

- Ban giám đốc quyết định : _ Trích Quỹ đầu tư phát triển : 80%
- _ Trích Quỹ dự phòng tài chính: 10%
- _ Trích Quỹ khen thưởng : 5%

_ Trích Quỹ phúc lợi : 5%

2) Mua 1 TSCĐ dùng trong phân xưởng, giá mua chưa thuế 50.000.000đ, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán, chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử đã trả bằng tiền mặt là 2.100.000đ, gồm thuế GTGT 100.000đ. Biết TSCĐ hữu hình này được đài thọ bởi Quỹ đầu tư phát triển.

3) Chi tiền mặt khen thưởng cuối năm cho nhân viên do Quỹ khen thưởng đài thọ là 10.000.000đ.

4) Chi tiền mặt cho nhân viên A mượn mua xe lấy từ Quỹ phúc lợi là 5.000.000đ

5) Chi tiền mặt 1.000.000đ trợ cấp khó khăn cho nhân viên B do Quỹ phúc lợi đài thọ.

6) Chi tiền mặt mua quà tết cho gia đình một số nhân viên đã nghỉ hưu do Quỹ phúc lợi đài thọ là 1.000.000đ, thuế GTGT 10%.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

BT 8.1

Công ty kinh doanh HH tổ chức kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ. Nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong tháng 3 có tài liệu như sau:

I. Số dư đầu tháng:

TK 156: 13.431.200 đ (6.400 đơn vị hàng X)

TK 157: 840.000 đ (400 đơn vị hàng X – gửi đi bán cho Công ty B)

TK 131: 12.000.000 đ, chi tiết: Công ty A còn nợ 20.000.000đ, Công ty B ứng trước tiền mua hàng 8.000.000đ.

II. Trích các nghiệp vụ phát sinh trong tháng.

1. Xuất kho 500 đơn vị hàng X bán cho Công ty B, giá bán chưa thuế 2.800đ/đơn vị, thuế GTGT 10%. Tiền hàng chưa thu, Công ty B đã nhận được hàng.
2. Nhập kho 6.000 đơn vị hàng X mua của công ty C với giá mua chưa thuế 2.200đ/đơn vị, thuế GTGT 10%, tiền hàng chưa thanh toán.
3. Xuất kho 2.000 đơn vị hàng X gửi bán cho Công ty B.
4. Nhập kho 4.000 đơn vị hàng X mua của công ty D với giá mua chưa thuế 2.250đ/đơn vị, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.
5. Công ty B chấp nhận thanh toán số hàng gửi đi bán ở tháng trước, số lượng 400 đơn vị, giá bán chưa thuế 2.900 đ/ đơn vị, thuế GTGT 10%.
6. Xuất kho 6.000 đơn vị hàng X gửi đi bán cho Công ty A, giá bán chưa thuế 2.900đ/ đơn vị, thuế GTGT 10%. Sau đó nhận được hồi báo của Công ty A đã nhận được hàng nhưng chỉ chấp nhận thanh toán 5.000 đơn vị hàng X, số còn lại do kém phẩm chất đã trả lại – Công ty HH đã cho nhập kho 1.000 đơn vị hàng X trả lại.

Yêu cầu: Trình bày bút toán ghi sổ.

BT 8.2

Công ty HH thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, tổ chức kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trong tháng 8 có tình hình như sau:

1. Tình hình mua hàng:

- Nhận được một số hàng do Công ty Minh Phước gửi đến, trị giá hàng ghi trên hoá đơn là 5.200 đơn vị x 28.000đ, thuế GTGT 10%. Khi kiểm nhận nhập kho phát hiện thiếu 100 đơn vị. Công ty chấp nhận thanh toán theo số thực nhận. Nếu công ty thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ lúc nhận hàng sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán 2% giá thanh toán.
- Nhập kho hàng mua đang đi đường tháng trước với trị giá 5.000.000 đ.
- Nhận được chứng từ đòi tiền của công ty Hoàng Minh đề nghị thanh toán lô hàng trị giá theo hoá đơn chưa thuế 20.000.000đ, thuế GTGT 10%, đơn vị đã thanh toán bằng tiền mặt, cuối tháng hàng chưa về.
- Số hàng mua của Công ty Minh Phước, đơn vị được giảm giá 10% giá thanh toán (gồm thuế GTGT 10%) do hàng kém phẩm chất. Đơn vị đã chi tiền mặt thanh toán cho Công ty Minh Phước trong thời gian được hưởng chiết khấu thanh toán.

2. Tình hình bán hàng:

- Bán cho công ty Z thu bằng chuyển khoản giá bán chưa thuế là 28.000.000đ, thuế GTGT là 10%, đã nhận giấy báo có của Ngân hàng, giá thực tế hàng xuất kho 22.000.000đ.
- Xuất bán chịu cho Công ty Q một lô hàng trị giá bán chưa thuế là 40.000.000đ, thuế GTGT 10%, theo thoả thuận nếu Công ty Q thanh toán trước thời hạn sẽ được hưởng chiết khấu 2% trên giá thanh toán, giá thực tế hàng xuất bán 31.500.000đ.
- Nhận được hồi báo của công ty Tân Thành trả lại một số hàng đã mua ở tháng trước, hàng đã nhập kho với giá là 10.000.000đ, đã chi tiền mặt trả lại theo giá bán chưa thuế là 11.000.000đ, GTGT 10%.

Yêu cầu: **Tính toán và trình bày các bút toán ghi sổ.**

BT 8.3

Tại một Công ty M tính thuế GTGT khấu trừ, thuế suất GTGT **10%**, trong tháng 12 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau: (**Đvt: 1.000đ**).

Giá định đầu tháng 12 các tài khoản có số dư hợp lý:

- Ngày 5/12, Công ty xuất kho hàng hóa gửi đi cho Công ty X theo hình thức chuyển hàng, trị giá hàng hóa thực tế xuất kho 500.000, giá bán chưa thuế 600.000, bên mua chưa nhận được hàng.
- Ngày 7/12, Công ty xuất hàng bán ngay tại kho, trị giá hàng hóa thực tế xuất kho 500.000, giá bán chưa thuế 600.000, bên mua nhận hàng trả ngay bằng tiền mặt.
- Ngày 8/12, Công ty đồng ý trừ chiết khấu thương mại tháng trước cho người mua Z là 250, công ty trừ vào nợ tiền hàng.
- Ngày 10/12, Công ty đồng ý cho người mua trả lại lô hàng đã bán ở tháng trước theo giá bán chưa thuế 260.000 và thuế giá trị gia tăng 26.000, giá mua 200.000 lô hàng này người mua đã trả tiền. Hàng trả lại còn gửi bên mua.

5. Ngày 11/12, Công ty nhận được giấy báo của Công ty X đã nhận được lô hàng gửi đi ngày 5/12, kèm theo biên bản thiếu một số hàng theo giá bán chưa thuế 20.000, giá mua 18.000, chưa rõ nguyên nhân. Công ty X đồng ý mua theo số thực tế, tiền chưa thanh toán.
6. Ngày 16/12, Công ty xuất kho hàng hóa gửi đi cho Công ty Y theo hình thức chuyển hàng, trị giá hàng hóa thực tế xuất kho 700.000, giá bán chưa thuế 900.000, bên mua chưa nhận được hàng.
7. Ngày 17/12, Công ty mua hàng HTX và đã bán thẳng cho Công ty N trị giá mua chưa thuế 200.000, trị giá bán chưa thuế 370.000, tiền mua và bán chưa thanh toán.
8. Ngày 19/12, Công ty nhận được giấy báo của Công ty Y đã nhận được lô hàng gửi đi ngày 16/12, kèm theo biên bản thừa một số hàng theo giá bán chưa thuế 100, giá mua 80, chưa rõ nguyên nhân. Công ty Y đồng ý mua hàng theo hoá đơn, tiền chưa thanh toán. Hàng thừa công ty Y giữ hộ cho bên bán.
9. Ngày 22/12, Công ty xuất kho bánh ngọt, nước ngọt phục vụ cho tổng kết năm của hoạt động công đoàn công ty, giá bán chưa thuế là 200, giá vốn là 160.
10. Ngày 24/12, Xuất kho hàng hóa làm từ thiện có giá mua 4.000, giá bán chưa thuế 5.000 do quỹ phúc lợi tài trợ.

Yêu cầu:

1. *Ghi nhận các bút toán phát sinh*
2. *Tính và lập bút toán kết chuyển Doanh thu bán hàng thuần vào cuối kỳ.*
3. *Tính và lập bút toán kết chuyển Giá vốn hàng bán vào cuối kỳ.*

BT 8.4

Trong tháng 12 Công ty M tập hợp chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp như sau:

1. Lương phải trả cho nhân viên bán hàng và bốc xếp, đóng gói là 10.000.000đ, nhân viên quản lý 8.000.000đ, trích BHXH, BHYT, KPCĐ đúng chế độ.
2. Xuất kho một số công cụ dùng phục vụ bán hàng 2.000.000đ, phân bổ trong 4 tháng.
3. Xuất kho vật liệu phụ cho bán hàng 200.000đ, cho quản lý 300.000đ, vật liệu sử dụng hết trong tháng.
4. Rút TGNH trả tiền thuế môn bài cho Công ty 1.200.000đ, kế toán phân bổ 12 tháng.
5. Chi tiền mặt trả phí vận chuyển bán hàng 3.000.000đ.
6. Chi tiền mặt nộp thuế cầu đường cho các phương tiện vận chuyển Công ty 400.000đ
7. Chi tiền mặt trả tiền cho chuyên viên kế toán tổ chức và tập huấn cho nhân viên phòng kế toán Công ty 1.300.000đ
8. Phải trả tiền chi phí quảng cáo hàng hóa 60.000.000đ và thuế giá trị gia tăng khấu trừ 6.000.000đ, phân bổ 6 tháng.
9. Nhận hoá đơn tiếp khách của Công ty giá chưa thuế 900.000đ, thuế GTGT 150.000đ, chưa trả tiền.
10. Khấu hao TSCĐ cho bộ phận bán hàng 1.400.000đ, bộ phận quản lý 1.600.000đ.
11. Phải trả tiền điện, nước, điện thoại theo hoá đơn tháng này là 2.000.000đ và thuế giá trị gia tăng khấu trừ tính 10%.

- Dùng cho kho hàng hóa : 1.200.000đ
- Dùng cho bán hàng : 800.000đ
- 12. Lập dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm 1.000.000đ.
- 13. Lập dự phòng quỹ trợ cấp mất việc làm 700.000đ.

Yêu cầu:

Ghi nhận các bút toán phát sinh trên.

BT 8.5

Tại một DN trong tháng có tình hình sau:

1. Nhận giấy báo chia lãi từ hoạt động liên doanh 5.000.000đ. Chi phí theo dõi hoạt động liên doanh 500.000đ bằng tiền mặt.
2. Rút TGNH nộp phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế 2.000.000đ.
3. Thu được nợ khó đòi đã xử lý 2 năm trước 10.000.000đ bằng tiền mặt.
4. Thanh lý TSCĐHH, nguyên giá 15.000.000đ, hao mòn 13.800.000đ, chi phí thanh lý 300.000đ, phế liệu bán thu bằng tiền mặt 800.000đ
5. Bán chứng khoán đầu tư ngắn hạn, có giá gốc 12.000.000đ, giá bán thu bằng tiền mặt 11.000.000đ.
6. Xử lý nợ phải trả 4 năm trước không ai đòi 10.000.000đ vào thu nhập khác.
7. Nhận thông báo được chia cổ tức đầu tư chứng khoán 5.000.000đ.
8. Doanh nghiệp nhận thông báo giảm thuế GTGT 6.000.000đ.
9. Phải thu lãi tiền cho vay 7.000.000đ theo hợp đồng cho vay.

Yêu cầu:

1/ Ghi nhận các bút toán phát sinh trên.

2/ Kết chuyển tính KQKD cho từng hoạt động tài chính, HĐ khác.

BT 8.6

Tập hợp doanh thu và chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tại 1 doanh nghiệp gồm:

1. Doanh thu bán hàng gộp: 256.000.000đ. Chiết khấu thương mại là 500.000đ, giảm giá hàng bán 1.500.000đ, doanh thu hàng bán bị trả lại 9.000.000đ.
2. Doanh thu hoạt động tài chính 13.000.000đ
3. Thu nhập khác: 200.000đ
4. Tổng giá vốn hàng bán phát sinh (bao gồm hàng bán bị trả lại) 158.000.000đ, và giá vốn hàng bán bị trả lại là 8.000.000đ.
5. Chi phí tài chính: 4.000.000đ
6. Chi phí bán hàng: 20.000.000đ.
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp: 12.000.000đ
8. Chi phí khác: 2.300.000đ

Cuối kỳ kế toán cần điều chỉnh thêm các bút toán sau:

- a. Phân bổ công cụ đang sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp hàng kỳ là 800.000đ
- b. Dự phòng chi phí bảo hành hàng hoá kỳ này là 500.000đ

- c. Dự phòng quỹ trợ cấp mất việc làm 200.000đ
- d. Tính và ghi nhận vào doanh thu tài chính khoản tiền lãi cho vay phải thu vào cuối kỳ 2.000.000đ.
- e. Kết chuyển từ doanh thu chưa thực hiện khoản lãi trả góp hàng tháng đã thu của khách hàng là 3.000.000đ.

Yêu cầu:

1. *Trình bày trên sơ đồ TK chữ T các TK có liên quan để thực hiện các công việc kế toán vào cuối kỳ tính kết quả kinh doanh (công ty tạm thời chưa tính thuế TNDN).*
2. *Giả sử doanh nghiệp trong kỳ có 10.000.000đ chi phí không chứng từ hợp pháp bị loại trước khi tính thuế TNDN. Các khoản doanh thu, thu nhập và chi phí còn lại đều là đối tượng tính thuế TNDN hợp pháp, hợp lệ. Thuế suất thu nhập DN phải nộp 25%/tổng thu nhập chịu thuế. Hãy thực hiện lại các công việc kế toán vào cuối kỳ tính kết quả kinh doanh (theo yêu cầu 1).*